

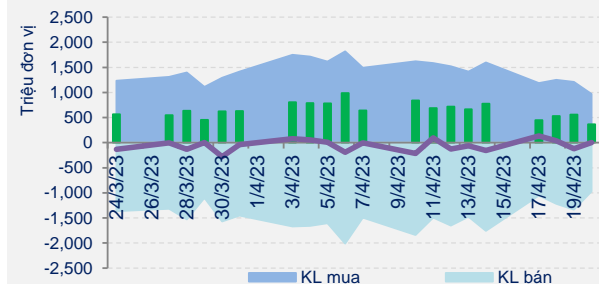
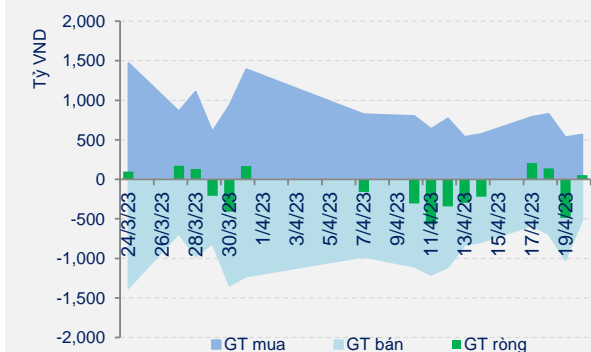
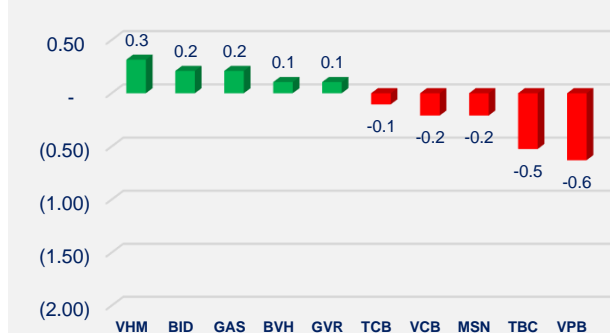
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

20/4/2023

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,049.25	206.61
% Thay đổi	↑ 0.03%	↑ 0.37%
KLGD (CP)	365,602,994	76,343,063
GTGD (tỷ đồng)	6,624.44	1,067.41
Tổng cung (CP)	972,833,646	133,372,800
Tổng cầu (CP)	971,782,934	122,600,800

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	17,810,100	205,270
KL mua (CP)	19,876,400	84,320
GT mua (tỷ đồng)	564.78	1.76
GT bán (tỷ đồng)	511.72	2.23
GT ròng (tỷ đồng)	53.07	(0.47)

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE

Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX


DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

VN-INDEX phục hồi tăng điểm nhẹ 0,03%, kết phiên ở mức 1.049,25 điểm với thanh khoản giảm mạnh trong phiên đảo hạn phái sinh kỳ hạn tháng 04/2023. Độ rộng trên HOSE khá cân bằng với 179 mã tăng điểm (08 mã tăng trần), 176 mã giảm điểm (0 mã giảm sàn) và 72 mã giữ giá tham chiếu. HNX-INDEX tích cực hơn tăng 0,76 điểm (0,37%) lên mức 206,61 điểm, độ rộng tích cực với 94 mã tăng giá (14 mã tăng trần), 82 mã giảm giá (10 mã giảm sàn) và 53 mã giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết chỉ đạt 7.689,6 tỉ đồng, giảm mạnh 27,8% so với phiên trước. Trong đó thanh khoản và khối lượng giao dịch trên HOSE thấp nhất trong đầu năm trở lại đây. Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng nhẹ với giá trị 52,98 tỉ đồng. Bán ròng nhẹ trên HNX với giá trị 0,47 tỉ đồng.

Thị trường phân hóa mạnh trong phiên giao dịch, vẫn có nhiều nhóm ngành nổi bật như nhóm thủy sản với thanh khoản trên mức trung bình như VHC (+3,17%), ANV (+2,50%), FMC (+1,05%)... Nhóm cổ phiếu chăn nuôi cũng có diễn biến tích cực nhờ giá lợn hơi có xu hướng phục hồi với DBC (+0,96%), BAF (+0,96%)..., nhóm xuất khẩu lương thực cũng tăng mạnh và đang đi vào vùng quá mua ngắn hạn như TAR (+7,35%), LTG (+2,67%)...

Nhóm cổ phiếu dệt may cũng có diễn biến tích cực vượt trội đối với thị trường chung với khối lượng giao dịch đột biến mạnh như GII (+6,97%), TNG (+5,11%), VGT (+3,60%), MSH (+2,98%), STK (+2,17%)...

Trong khi đó nhóm cổ phiếu bán lẻ chịu áp lực bán ngắn hạn sau nhiều phiên phục hồi tăng điểm với thanh khoản ở mức thấp như DGW (-2,24%), PET (+1,96%), FRT (-1,33%)... Nhóm cổ phiếu dầu khí tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh, với nhóm vận tải dầu khí nhiều mã chịu áp lực bán mạnh rất đột biến như VTO (-6,84%), VIP (-3,51%), BSR (-1,23%), PVS (-1,17%), PVC (-0,65%)....

Nhóm cổ phiếu xây dựng, vật liệu xây dựng ngoài CTD tăng giá 0,57% thì đa phần đều chịu áp lực giảm điểm, tích lũy kéo dài, một số mã bị bán mạnh như VLB (-9,64%), HBC (-2,29%), LCG (-1,63%), KSB (-1,36%)...

Nhóm cổ phiếu bất động sản phân hóa trái chiều, đa số phục hồi và điều chỉnh với thanh khoản suy giảm như NDN (+9,59%), NTL (+6,86%), NBB (+1,57%)... NVL (-1,03%), SCR (-0,99%), DXG (-0,79%), CII (-0,34%)...

Nhóm cổ phiếu ngân hàng sau áp lực điều chỉnh phục hồi nhẹ với thanh khoản thấp LPB (+1,09%), HDB (+0,79%), STB (+0,78%)... ngoài ra PGB (-11,68%) giảm sâu với khối lượng giao dịch đột biến sau giai đoạn tăng giá mạnh đột biến

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2304 giảm 1,1 điểm (-0,10%) và kết thúc kỳ hạn tháng 04/2023. Thị trường chuyển sang giao dịch trên kỳ hạn chính VN30F2305 với mức chênh lệch gia tăng lên -6,61 điểm so với VN30. Các kỳ hạn lớn hơn chênh lệch gia tăng lên từ -9,51 điểm đến -13,11 điểm cho thấy các trader vẫn chưa có kỳ vọng lạc quan về triển vọng tăng trưởng của VN30.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 20/4/2023

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Phiên hôm nay thị trường đã có những nỗ lực phục hồi khi VnIndex sắp đục thủng đường hỗ trợ kênh tăng, sau phiên giảm điểm hôm qua chỉ số VnIndex có nguy cơ thoát khỏi kênh xu hướng, nỗ lực hồi phục dù rất nhẹ trong phiên hôm nay giúp VnIndex tiếp tục giữ hy vọng phục hồi. Với trạng thái hiện tại VnIndex vẫn đang nằm trong kênh tăng giá ngắn hạn nhưng nguy cơ thị trường thoát khỏi kênh tăng giá đang khá cao, VnIndex hiện tại đang nằm dưới đường MA20 và nếu thị trường không thể phục hồi trong các phiên tiếp theo thì khả năng thoát khỏi xu hướng tăng sẽ trở nên hiện hữu.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường thể hiện nỗ lực phục hồi trong phiên hôm nay giúp VnIndex chặn được đà giảm, chốt phiên VnIndex tăng nhẹ 0,27 điểm (+0,03%), dù điểm số tăng không đáng kể nhưng giúp thị VnIndex không thoát ra khỏi kênh tăng ngắn hạn. Chốt phiên, VnIndex đóng cửa ở 1.049,25 điểm và phần nào vẫn duy trì được khả năng có thể hồi phục để duy trì xu hướng tăng, tuy nhiên nguy cơ rời khỏi kênh tăng của VnIndex vẫn đang cao khi chỉ số này gần như nằm ngay trên đường hỗ trợ. Với trạng thái hiện tại, xét theo góc nhìn ngắn hạn VnIndex vẫn có thể trở lại xu hướng tăng nếu chỉ số này có những nỗ lực phục hồi trong các phiên tới, trong trường hợp thị trường tiếp tục xấu đi thì khả năng duy trì xu hướng tăng ngắn hạn sẽ không còn được duy trì. Với trạng thái hiện tại, trong ngắn hạn rủi ro mất kênh tăng đang gia tăng nhưng không quá bị quan bởi thị trường vẫn đang duy trì được xu hướng tích lũy trung hạn chặt chẽ.

Xu hướng Trung- Dài hạn có thể thấy trên biểu đồ trạng thái vận động của VnIndex đang ngày càng chặt chẽ (VnIndex đang dần hình thành mô hình Nêm), điểm số của VnIndex kể từ đầu năm không có nhiều biến động và xoay quanh ngưỡng 1.050 điểm với biên độ giao động quanh trục 1050 ngày càng hẹp. Trạng thái tích lũy hiện tại có thể còn kéo dài do thị trường ngoài biến động hẹp thì khối lượng giao dịch cũng cạn dần và hình thành trạng thái tích lũy cạn kiệt, đây là dạng tích lũy tin cậy nhưng cần những động lực mới để bùng nổ tạo thành uptrend. Về ví mô có thể thấy giai đoạn hiện tại là giai đoạn rất khó đoán định, kinh tế toàn cầu tiếp tục khó dự đoán khi môi trường vĩ mô toàn cầu đang nhiều bởi nhiều thông số từ lạm phát, lãi suất cao và sự suy yếu của sức mua từ Mỹ và Châu Âu, sự hình thành và phát triển mạnh mẽ của khối BRICS.... Ở trong nước xu hướng lãi suất giảm và các chính sách cứu thị trường BDS, trái phiếu có vẻ đang tạo ra niềm tin cho giới đầu tư nhưng hiệu quả thực sự cần có thời gian kiểm định. Do đó, chúng tôi nhận định xu hướng hiện mang tính chất tích lũy sẽ còn tiếp tục kéo dài trước khi thị trường có thể tạo ra một xu hướng (uptrend) thực sự mạnh mẽ.

Với nhận định thị trường như trên, chúng tôi cho rằng các nhà đầu tư ngắn hạn nên tạm thời hạn chế giao dịch để chờ xác nhận thị trường hồi phục nhằm tránh rủi ro xu hướng tăng ngắn hạn bị thất bại. Thị trường hiện tại vẫn phù hợp cho mục tiêu giải ngân đầu tư nắm giữ trung - dài hạn (đón đầu giai đoạn bùng nổ sau tích lũy), mục tiêu giải ngân đầu tư trung, dài hạn nên hướng tới các nhóm cổ phiếu đầu ngành, các cổ phiếu đang tích lũy và không bị điều chỉnh sâu, có kỳ vọng kết quả kinh doanh tiếp tục tăng trưởng trong năm nay. Chiến lược giải ngân trung - dài hạn nên là giải ngân dần trong các giai đoạn thị trường điều chỉnh giảm.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 20/4/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DŨI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu TTM	T.trường Lợi nhuận TTM	
PVS	25.30	24-25.5	29-30	22	13.7	14.8%	31.0%	Theo dõi chờ giải ngân
VCI	31.30	28-30	36-37	27	15.7	-14.9%	-42.0%	Theo dõi chờ giải ngân
BSI	29.50	22-23	28.5-29.6	19	36.5	-18.3%	-68.5%	Theo dõi chờ giải ngân
PLC	32.90	28.5-30	34-35	26	20.0	25.2%	-23.6%	Theo dõi chờ giải ngân
LCG	12.10	10.5-11.5	13.5-14	10	12.0	-44.2%	5.7%	Theo dõi chờ giải ngân
HPG	20.80	20.2-21.2	25-25.5	19	14.3	-5.5%	-75.4%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thé	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
16/2/2023	POW	13.15	12.10	16-16.5	12.5	8.68%	Nắm giữ
3/9/2023	CSV	30.95	27.40	34-36	27	12.96%	Nắm giữ
3/9/2023	IDC	38.50	37.90	47-49	38	1.58%	Nắm giữ
30/3/2023	BVS	18.80	18.00	24-26	18.5	4.44%	Nắm giữ
31/3/2023	PTB	42.00	42.00	50-52	41	0.00%	Nắm giữ
4/4/2023	DBC	15.85	14.15	21-22	13.8	12.01%	Nắm giữ
4/4/2023	DCM	24.40	24.10	30-31	23	1.24%	Nắm giữ
4/4/2023	HAH	37.75	34.80	44-46	35	8.48%	Nắm giữ
14/4/2023	VRE	28.30	28.60	35-37	27	-1.05%	Nắm giữ
19/4/2023	BMP	69.40	63.90	75-76	64	8.61%	Nắm giữ



TIN VĨ MÔ

Ngành điều Việt Nam kêu cứu khẩn cấp

Tại Hội nghị giao ban giữa Lãnh đạo VCCI và các Hội – Hiệp hội Doanh nghiệp ngày 19/04, Phó Chủ tịch thường trực Hiệp hội Điều Việt Nam (Vinacas) cho biết vị trí dẫn đầu toàn cầu về xuất khẩu của ngành điều Việt Nam đang bị lung lay, nguyên nhân do tình trạng điều nhân nhập khẩu tăng lên nhanh chóng, cạnh tranh không bình đẳng với doanh nghiệp chế biến điều trong nước.

Xuất khẩu đang cho thấy những tín hiệu tích cực

Theo Tổng cục Hải quan, lũy kế quý 1/2023, tổng trị giá XNK hàng hoá đạt 153,79 tỷ USD, giảm 13,5% (tương ứng giảm 24,10 tỷ USD) so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên một số nhóm hàng vẫn đạt mức tăng khả quan như gạo xuất khẩu 1,85 triệu tấn trị giá 981 triệu USD, tăng 23,4% về lượng và tăng 34,3% về trị giá so với cùng kỳ năm trước; Phương tiện vận tải và phụ tùng đạt 3,14 tỷ USD, tăng 8,2%; Rau quả xuất khẩu 982 triệu USD, tăng 16,2% so cùng kỳ 2022.

CEO Samsung: 'Miễn, giảm thuế cho FDI của Việt Nam sắp hết tác dụng'

Tổng giám đốc Tổ hợp Samsung tại Việt Nam, cho biết trong bối cảnh thuế tối thiểu toàn cầu được triển khai, các chính sách miễn, giảm thuế của Việt Nam sẽ không còn tác dụng với các doanh nghiệp FDI. Theo luật này, các công ty đang được hưởng ưu đãi phải nộp bổ sung mức thuế suất tối thiểu toàn cầu 15% tại quốc gia có công ty mẹ hiện hữu

VCCI đề xuất bỏ thuế tiêu thụ đặc biệt với xăng

VCCI vừa góp ý với Bộ Tài chính khi xây dựng đề án sửa Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt về việc bỏ thuế tiêu thụ đặc biệt với xăng. Theo VCCI xăng đang chịu cùng lúc 2 trong 4 loại thuế có cùng tính chất hạn chế tiêu dùng là thuế tiêu thụ đặc biệt, bảo vệ môi trường (hai sắc thuế còn lại là thuế nhập khẩu và VAT), và xăng không phải là mặt hàng xa xỉ, vì vậy việc đánh thuế tiêu thụ đặc biệt với mặt hàng này cũng nhằm bảo vệ môi trường.

Chính phủ yêu cầu nghiên cứu chi phí kinh doanh cho bán lẻ xăng dầu

Tại văn bản gửi Bộ Công Thương, Tài chính ngày 13/4, Phó thủ tướng Lê Minh Khái giao hai bộ này nghiên cứu các quy định về chi phí kinh doanh, hoàn trả phần lợi nhuận cho khâu bán lẻ. Đây cũng là kiến nghị của các doanh nghiệp bán lẻ xăng dầu gửi Thủ tướng hồi tháng 3.



TIN DOANH NGHIỆP

Ảnh hưởng từ công ty con, lãi ròng DRG giảm 44% trong quý 1

BCTC hợp nhất quý 1/2023 của CTCP Cao su Đắc Lắc (UPCoM: DRG) cho thấy lãi ròng chỉ đạt 8.7 tỷ đồng, giảm 44% so với cùng kỳ năm trước, do ảnh hưởng hoạt động kinh doanh từ các công ty con. Kết thúc quý đầu năm, DRG doanh thu và lợi nhuận trước thuế tạm thực hiện lần lượt 46% và 78% kế hoạch 2023

ĐHĐCĐ VTO: Quý 1 lãi 20 tỷ đồng

Ngày 20/04, ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của CTCP Vận tải Xăng dầu Vitaco (HOSE: VTO) được tổ chức để thông qua kế hoạch kinh doanh, phân phối lợi nhuận và bầu thay thế thành viên Ban Kiểm soát. Năm 2022, VTO ghi nhận lãi ròng 73 tỷ đồng, giảm 43% so với cùng kỳ, nhưng vẫn vượt kế hoạch đề ra. Công ty dự kiến chia cổ tức tiền mặt tỷ lệ 8% cho năm 2022, cao hơn kế hoạch trước đó là 7%.

PPC lãi quý 1 bằng một nửa cùng kỳ

Quý 1/2023, CTCP Nhiệt điện Phả Lại (HOSE: PPC) đạt doanh thu gần 1,311 tỷ đồng, tăng 22%, lợi nhuận sau thuế đạt xấp xỉ 40 tỷ đồng, giảm 50% so với cùng kỳ năm trước. Năm 2022 Công ty đạt tổng doanh thu 5,574 tỷ đồng, đạt 103% so với kế hoạch; lợi nhuận trước thuế gần 559 tỷ đồng, bằng 202% kế hoạch.

ĐHĐCĐ TID: Mục tiêu lãi tăng 75%, chào bán 50 triệu cp

CTCP Tổng Công ty Tín Nghĩa (UPCoM: TID) đặt mục tiêu 2023 doanh thu 10,000 tỷ đồng, tăng 2% so với thực hiện 2022. Mục tiêu lãi sau thuế 250 tỷ đồng, tăng 76% so với năm trước.

Nhựa Bình Minh lãi đậm quý 1, tiếp tục lập kỷ lục mới

Theo BCTC hợp nhất quý 1/2023, doanh thu thuần CTCP Nhựa Bình Minh (HOSE: BMP) đạt 1,440 tỷ đồng, tăng 7% so với cùng kỳ. Với mức lãi sau thuế 281 tỷ đồng trong quý 1/2023, hơn gấp đôi cùng kỳ năm trước, BMP đã xác lập kỷ lục kinh doanh mới.

Thủy điện Miền Trung lãi quý 1 gần 108 tỷ, tăng 38%

Quý 1/2023, CTCP Thủy điện Miền Trung (HOSE: CHP) có được lưu lượng nước về hồ lớn nên lãi sau thuế trong kỳ đạt gần 108 tỷ đồng, tăng 38% so với cùng kỳ năm trước. Năm 2023, Công ty dự kiến kế hoạch doanh thu gần 765 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế gần 224 tỷ đồng, thấp hơn lần lượt 31% và 56% so với thực hiện năm 2022.

IMP lãi quý 1 gần 78 tỷ đồng, gấp rưỡi cùng kỳ

Theo BCTC quý 1/2023, CTCP Dược phẩm Imexpharm (HOSE: IMP) đạt lãi sau thuế đạt gần 78 tỷ đồng, tăng 48% so với cùng kỳ năm trước, nhờ tập trung vào các sản phẩm chủ lực có giá trị và lợi nhuận biên cao. Đây là lợi nhuận quý cao thứ hai của Công ty kể từ khi niêm yết HOSE (năm 2006), chỉ sau quý 4/2022 với gần 79 tỷ đồng.

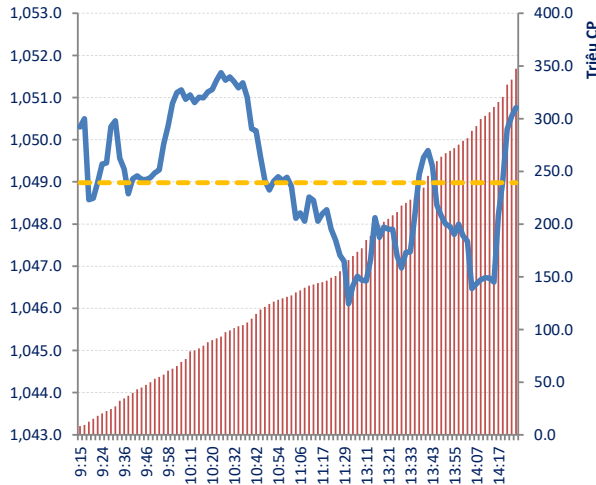
Thu ngoài lãi tăng mạnh, lãi trước thuế quý 1 của Bac A Bank tăng 36%

Theo BCTC quý 1/2023 vừa công bố, Ngân hàng TMCP Bắc Á (Bac A Bank, HNX: BAB) lãi trước thuế hơn 335 tỷ đồng, tăng 36% so với cùng kỳ năm trước. Bac A Bank đề ra mục tiêu lãi sau thuế 880 tỷ đồng cho cả năm 2023, như vậy, Ngân hàng đã thực hiện được 31% kế hoạch sau quý đầu năm.

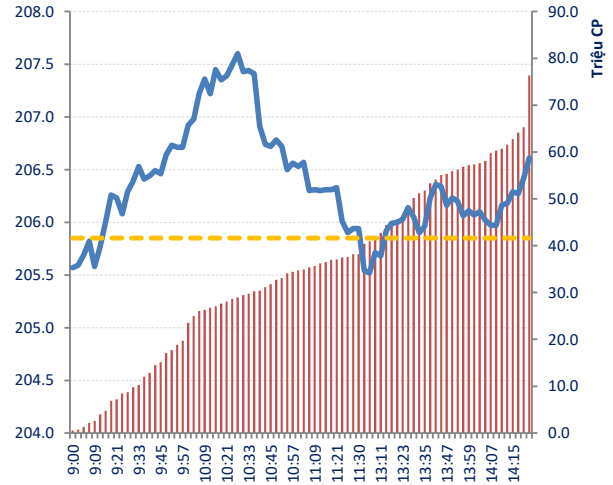


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

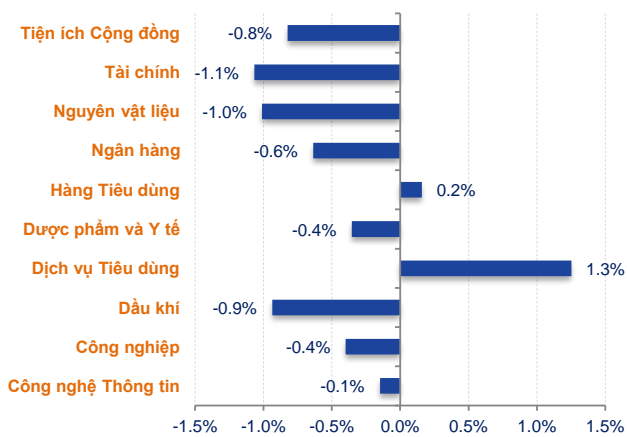
KLGD và VN-Index trong phiên



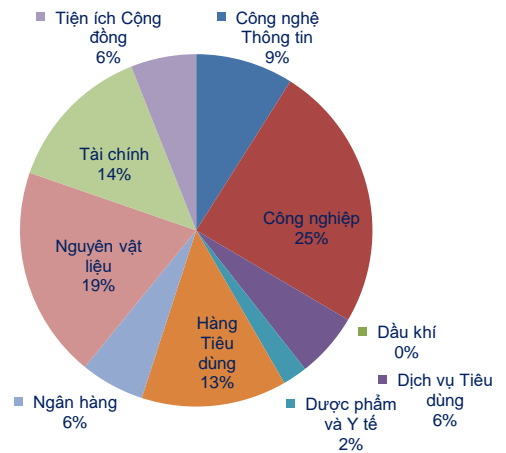
KLGD và HNX-Index trong phiên



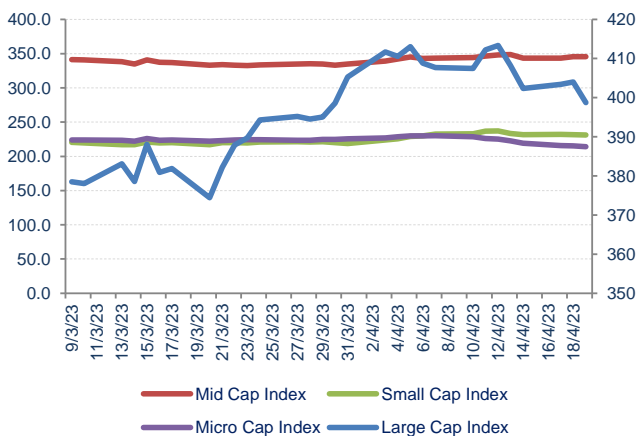
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



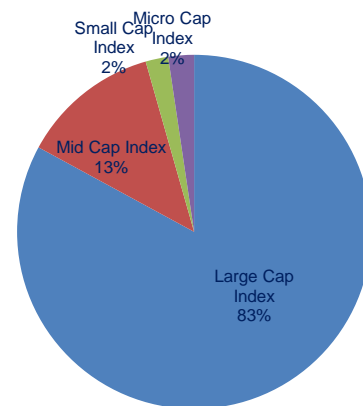
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HPG	1,537,400	HAG	497,700	1	IDC	10,700	VKC	40,800
2	SHB	1,482,600	PVT	469,800	2	MBG	6,800	NVB	32,400
3	STB	1,370,000	GMD	408,800	3	PVS	6,300	NRC	20,500
4	VRE	492,300	FUESSVFL	313,100	4	GIC	5,800	VNR	19,900
5	EIB	428,100	SSI	311,700	5	PVB	5,100	ICG	14,100

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	11.35	11.35	→ 0.00%	23,711,300	SHS	10.10	10.20	↑ 0.99%	11,246,558
DIG	17.00	17.15	↑ 0.88%	14,379,200	HUT	15.80	15.80	→ 0.00%	9,976,518
VPB	19.70	19.35	↓ -1.78%	13,244,000	NRC	4.00	4.40	↑ 10.00%	6,589,843
NVL	14.55	14.40	↓ -1.03%	11,402,800	TAR	13.60	14.60	↑ 7.35%	6,233,517
STB	25.50	25.70	↑ 0.78%	11,250,300	TNG	17.60	18.50	↑ 5.11%	5,951,542

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TTE	9.72	10.40	0.68	↑ 7.00%	NRC	4.00	4.40	0.40	↑ 10.00%
GIL	22.25	23.80	1.55	↑ 6.97%	PTD	13.00	14.30	1.30	↑ 10.00%
PSH	6.34	6.78	0.44	↑ 6.94%	SED	19.00	20.90	1.90	↑ 10.00%
TNH	25.44	27.20	1.76	↑ 6.91%	SIC	36.00	39.60	3.60	↑ 10.00%
NTL	18.95	20.25	1.30	↑ 6.86%	VGP	26.00	28.60	2.60	↑ 10.00%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VTO	9.79	9.12	-0.67	↓ -6.84%	CJC	30.00	27.00	-3.00	↓ -10.00%
UDC	3.35	3.17	-0.18	↓ -5.37%	DAE	21.30	19.20	-2.10	↓ -9.86%
TCT	29.10	28.00	-1.10	↓ -3.78%	VMS	18.30	16.50	-1.80	↓ -9.84%
DXV	3.80	3.66	-0.14	↓ -3.68%	DDG	18.40	16.60	-1.80	↓ -9.78%
VIP	11.40	11.00	-0.40	↓ -3.51%	HCT	10.40	9.40	-1.00	↓ -9.62%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	23,711,300	19.7%	2,520	4.5	0.8
DIG	14,379,200	1.9%	236	71.9	1.3
VPB	13,244,000	19.1%	2,714	7.3	1.3
NVL	11,402,800	5.3%	1,164	12.5	0.6
STB	11,250,300	13.8%	2,674	9.5	1.2

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	11,246,558	2.1%	224	45.1	0.9
HUT	9,976,518	3.8%	415	38.1	1.4
NRC	6,589,843	-5.9%	(788)	-	0.3
TAR	6,233,517	7.2%	875	15.5	0.9
TNG	5,951,542	18.8%	2,880	6.1	1.1

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TTE	↑ 7.0%	6.9%	755	12.9	0.9
GIL	↑ 7.0%	17.6%	5,631	4.0	0.6
PSH	↑ 6.9%	-13.8%	(1,872)	-	0.5
TNH	↑ 6.9%	16.5%	2,710	13.2	2.0
NTL	↑ 6.9%	8.6%	1,746	10.9	0.9

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
NRC	↑ 10.0%	-5.9%	(788)	-	0.3
PTD	↑ 10.0%	0.6%	115	113.5	0.7
SED	↑ 10.0%	14.1%	4,089	4.6	0.7
SIC	↑ 10.0%	14.7%	3,524	10.2	1.8
VGP	↑ 10.0%	10.1%	2,630	9.9	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	1,537,400	9.1%	1,459	14.3	1.3
SHB	1,482,600	19.7%	2,520	4.5	0.8
STB	1,370,000	13.8%	2,674	9.5	1.2
VRE	492,300	8.7%	1,222	23.2	2.0
EIB	428,100	15.4%	1,997	10.0	1.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	10,700	31.7%	5,356	7.2	2.1
MBG	6,800	9.4%	951	5.5	0.5
PVS	6,300	6.9%	1,849	13.8	0.9
GIC	5,800	7.4%	1,441	9.4	0.7
PVB	5,100	-6.3%	(1,080)	-	0.8

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	418,828	24.4%	6,318	14.0	3.1
BID	224,598	19.1%	3,590	12.4	2.2
VHM	219,460	20.6%	6,621	7.6	1.5
VIC	200,613	5.9%	2,270	23.2	1.5
GAS	182,974	26.1%	7,732	12.4	3.0

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	13,720	4.2%	697	56.2	2.3
IDC	12,639	31.7%	5,356	7.2	2.1
PVS	12,236	6.9%	1,849	13.8	0.9
KSF	11,850	5.6%	1,224	32.3	1.8
PVI	11,431	0.5%	168	291.3	1.5

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DRH	3.50	0.0%	1	8,013.6	0.4
TCD	3.43	12.3%	1,397	5.5	0.5
NHA	3.41	0.5%	45	284.3	1.3
MCG	3.37	-40.8%	(1,623)	-	0.4
FTS	3.28	10.1%	1,722	17.0	1.7

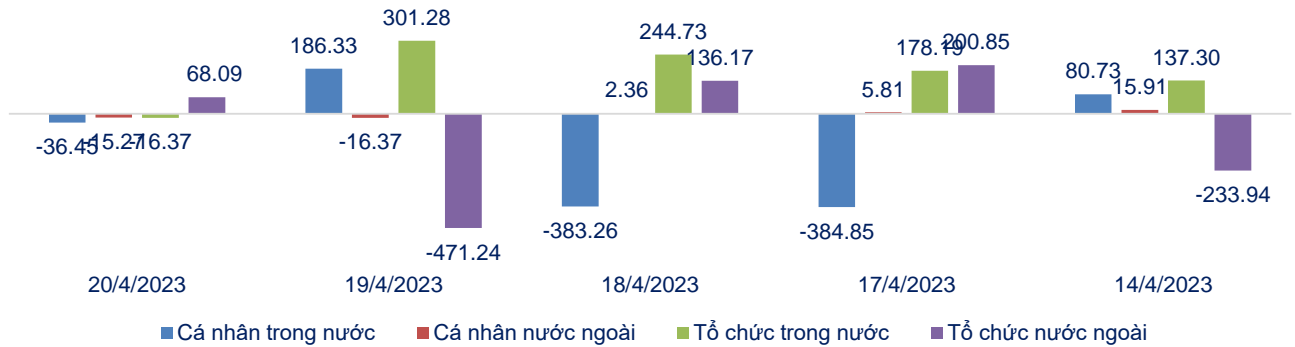
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
L14	4.27	-10.2%	(1,273)	-	3.6
APS	3.68	-37.9%	(5,410)	-	1.1
CEO	3.42	7.7%	1,084	21.6	1.6
IDJ	3.34	10.1%	890	13.4	1.1
API	3.30	13.2%	1,410	8.6	1.0



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	35.40	26.5%	4,053	6.0	1.4
GMD	22.82	13.3%	3,298	16.0	2.0
VPB	18.72	19.1%	2,714	7.3	1.3
DGW	11.33	32.5%	4,180	8.5	2.4
EIB	10.94	15.4%	1,997	10.0	1.2

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-33.28	9.1%	1,459	14.3	1.3
STB	-28.17	13.8%	2,674	9.5	1.2
VRE	-24.14	8.7%	1,222	23.2	2.0
SHB	-17.70	19.7%	2,520	4.5	0.8
DCM	-12.28	47.7%	8,153	3.0	1.2

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	2.27	19.1%	2,714	7.3	1.3
VHC	1.12	29.1%	10,809	5.6	1.4
HQC	0.46	0.4%	39	106.4	0.5
BCG	0.33	3.2%	680	11.3	0.3
DBC	0.32	0.1%	21	731.4	0.8

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
BSI	-3.11	3.4%	816	36.6	1.3
VIC	-2.78	5.9%	2,270	23.2	1.5
HPG	-1.96	9.1%	1,459	14.3	1.3
HBC	-1.70	-34.0%	(4,298)	-	0.9
LPB	-1.68	22.1%	2,825	4.8	1.0

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DCM	11.01	47.7%	8,153	3.0	1.2
VRE	10.27	8.7%	1,222	23.2	2.0
VNM	9.57	24.8%	4,077	17.7	4.6
VHC	7.75	29.1%	10,809	5.6	1.4
VCB	6.59	24.4%	6,318	14.0	3.1

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	-35.40	26.5%	4,053	6.0	1.4
EIB	-19.42	15.4%	1,997	10.0	1.2
VPB	-18.99	19.1%	2,714	7.3	1.3
MSB	-9.63	19.0%	2,320	5.3	0.9
DGW	-7.00	32.5%	4,180	8.5	2.4

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	35.86	13.8%	2,674	9.5	1.2
HPG	33.97	9.1%	1,459	14.3	1.3
SHB	16.62	19.7%	2,520	4.5	0.8
VRE	13.83	8.7%	1,222	23.2	2.0
SAB	8.69	22.1%	8,146	20.9	4.4

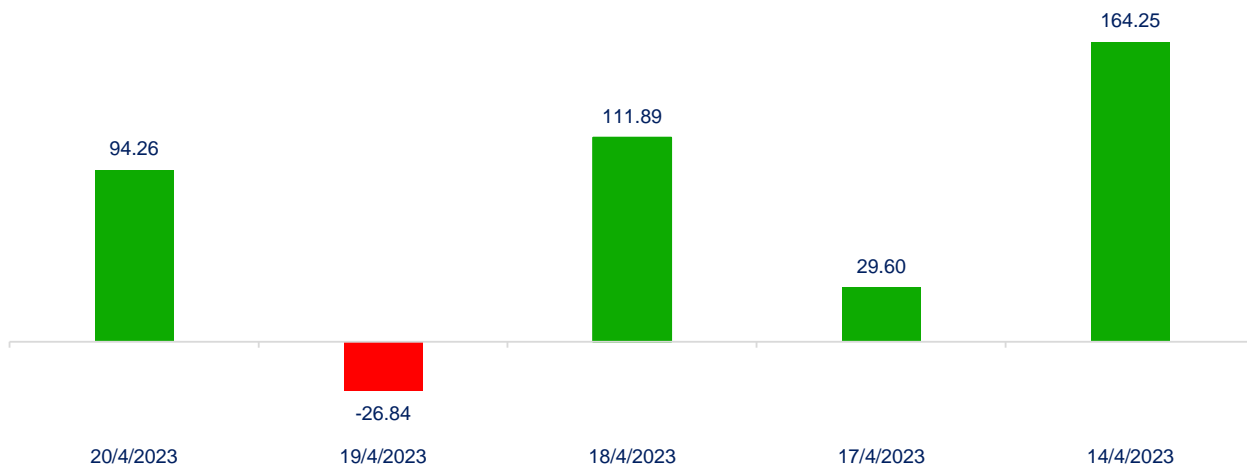
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GMD	-21.70	13.3%	3,298	16.0	2.0
PVT	-9.57	11.4%	2,649	7.7	0.8
GAS	-8.31	26.1%	7,732	12.4	3.0
BMP	-8.31	32.0%	10,378	6.4	1.9
HDG	-6.57	18.4%	4,492	7.0	1.2

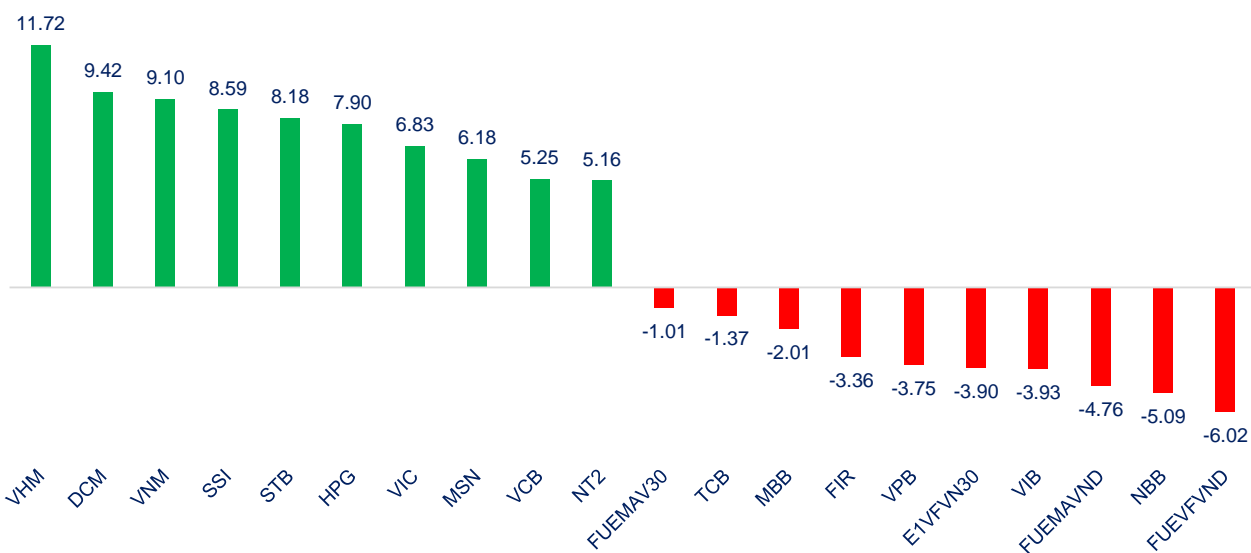


THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn